

Số: /KL-SNN

Kon Tum, ngày tháng năm

**KẾT LUẬN THANH TRA**  
**Về việc thanh tra hành chính và phòng, chống tham nhũng**  
**tại Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Kon Tum**

Thực hiện Quyết định số: 668/QĐ-SNN, ngày 19/12/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum về việc Thanh tra hành chính và phòng, chống tham nhũng tại Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Kon Tum từ ngày 23/12/2022 đến ngày 10/3/2023. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 04/BC-ĐTT-QĐ668 ngày 21/3/2023 của Trưởng đoàn thanh tra. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum kết luận thanh tra như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**KHÁI QUÁT CHUNG**

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (*Trung tâm Nước sạch và VSMTNT*) trước đây là Chương trình nước sinh hoạt nông thôn được UBND tỉnh tổ chức lại thành Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum (*theo Quyết định số 75/QĐ-UB ngày 09/9/1996*). Ngày 29/9/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 1025/QĐ-UBND đổi tên Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn thành Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn. Ngày 18/12/2018 Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ra Quyết định số 618/QĐ-UBND về việc Tổ chức lại Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn là cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Trung tâm Quốc gia nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.

Là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; năm 2021 biên chế được giao của đơn vị là 14 người (*gồm cả lái xe*); Hiện tại đơn vị có 30 người, bao gồm 11 người thuộc chỉ tiêu được giao, 19 hợp đồng lao động để quản lý vận hành 06 Trạm cấp nước sinh hoạt tại xã Đăk La, huyện Đăk Hà; Trạm cấp nước cụm xã Diên Bình - Đăk Hring, Trạm cấp nước sinh hoạt tại xã Tân

Cảnh, huyện Đăk Tô; Trạm cấp nước sinh hoạt tại xã Ia Chim, Hoà Bình, Đăk Cẩm - TP. Kon Tum.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Tổ chức lại Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm có:

### **1. Lãnh đạo đơn vị:**

- 02 người (01 Giám đốc; 01 Phó giám đốc)
- Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao; quản lý, sử dụng có hiệu quả viên chức, người lao động, tài chính, tài sản, vật tư, tài liệu của cơ quan. Tham mưu cho Giám đốc sở Nông nghiệp và PTNT trong lĩnh vực cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

### **2. Bộ phận chuyên môn giúp việc:**

#### *2.1. Phòng Hành chính - Tổng hợp:*

- 04 người, gồm: 01 hành chính kiêm kế toán; 01 Hành chính – Tổng hợp; 01 văn thư - thủ quỹ - thủ kho; 01 lái xe.

- Tham mưu cho Lãnh đạo cơ quan trong quản lý, điều hành công tác tổ chức, hành chính, quản trị, kế toán, văn thư, kho, quỹ.

#### *2.2. Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật và truyền thông:*

- 05 người, gồm: 01 Phó phòng và 04 nhân viên kỹ thuật.
- Tham mưu công tác kế hoạch, đầu tư, xây dựng cơ bản chuyên ngành, quản lý khai thác các công trình nước sạch nông thôn, công tác truyền thông nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; kiểm nghiệm chất lượng nước.

## **PHẦN THỨ HAI KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

Kết quả thanh tra, đối chiếu, xác nhận số liệu hồ sơ, sổ sách thuộc niên độ từ 01/01/2018 đến 31/12/2021 tại Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, cụ thể:

### **I. Nội dung thanh tra**

- Thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật về chế độ tài chính, kế toán nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn khác (nếu có); việc chấp hành các quy định trong công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và nhiệm vụ khác được giao niên độ năm 2018-2021; thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng niên độ năm 2021.

- Giới hạn thanh tra: Đoàn thanh tra không kiểm tra đối với nguồn vốn Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vay vốn WB (Gọi tắt là Chương trình) đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm tra trong niên độ thanh tra năm 2018-2021.

## II. Kết quả kiểm tra

### 1. Đối với nguồn vốn Chương trình

Hàng năm từ 2018-2021, đã được Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V thực hiện việc kiểm toán tại các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn, cụ thể sau:

+ Năm 2018, năm 2019: Báo cáo kiểm toán Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2018, năm 2019 tại tỉnh Kon Tum ngày 13/7/2020 của Kiểm toán Nhà nước.

+ Năm 2020: Báo cáo kiểm toán Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2020 tại tỉnh Kon Tum ngày 30/6/2021 của Kiểm toán Nhà nước.

+ Năm 2021: Báo cáo kiểm toán Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2021 tại tỉnh Kon Tum ngày 30/6/2022 của Kiểm toán Nhà nước.

### 2. Kinh phí hoạt động bộ máy, sự nghiệp

#### a. Nguồn kinh phí tự chủ năm 2018-2021:

*Đơn vị tính: đồng*

STT	Nội dung	Số liệu của đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)
<b>1</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>1.177.000.000</b>	<b>1.177.000.000</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	1.177.000.000	1.177.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	1.177.000.000	1.177.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	1.177.000.000	1.177.000.000	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	1.177.000.000	1.177.000.000	-
-	Kinh phí còn tồn	0	0	-
<b>2</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>1.269.000.000</b>	<b>1.269.000.000</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	1.269.000.000	1.269.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	1.269.000.000	1.269.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	1.269.000.000	1.269.000.000	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	1.269.000.000	1.269.000.000	-
-	Kinh phí còn tồn	0	0	-
<b>3</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>1.315.600.000</b>	<b>1.315.600.000</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	1.315.600.000	1.315.600.000	-

-	Kinh phí được sử dụng trong năm	1.300.099.770	1.300.099.770	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	1.300.099.770	1.300.099.770	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	1.300.099.770	1.300.099.770	-
-	Kinh phí còn tồn	15.500.230	15.500.230	-
<b>4</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>1.314.100.230</b>	<b>1.314.100.230</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	15.500.230	15.500.230	-
-	Kinh phí được giao trong năm	1.306.000.000	1.306.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	1.314.100.230	1.314.100.230	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	1.314.100.230	1.314.100.230	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	1.314.100.230	1.314.100.230	-
-	Kinh phí còn tồn	0	0	-

**b. Nguồn kinh phí không tự chủ từ năm 2018-2021:**

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Nội dung	Số liệu của đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
(1)	(2)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)
<b>1</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>1.073.327.034</b>	<b>1.073.327.034</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	1.134.000.000	1.134.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	1.134.000.000	1.134.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	0	0	-
-	Kinh phí thực nhận trong năm	1.073.327.034	1.073.327.034	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	1.073.327.034	1.073.327.034	-
-	Kinh phí còn lại	60.672.966	60.672.966	-
<b>2</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>2.688.140.212</b>	<b>2.688.140.212</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	2.890.000.000	2.890.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	2.890.000.000	2.890.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	0	0	-
-	Kinh phí thực nhận trong năm	2.688.140.212	2.688.140.212	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	2.688.140.212	2.688.140.212	-
-	Kinh phí còn lại	201.859.788	201.859.788	-
<b>2</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>1.564.333.457</b>	<b>1.564.333.457</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-

-	Kinh phí được giao trong năm	1.964.000.000	1.964.000.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	1.964.000.000	1.964.000.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	0	0	-
-	Kinh phí thực nhận trong năm	1.564.333.457	1.564.333.457	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	1.564.333.457	1.564.333.457	-
-	Kinh phí còn lại	399.666.543	399.666.543	-
<b>2</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>1.921.003.744</b>	<b>1.921.003.744</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0	-
-	Kinh phí được giao trong năm	2.007.400.000	2.007.400.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	2.007.400.000	2.007.400.000	-
-	Kinh phí thực rút tại Kho bạc trong năm	0	0	-
-	Kinh phí thực nhận trong năm	1.921.003.744	1.921.003.744	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	1.921.003.744	1.921.003.744	-
-	Kinh phí còn lại	86.396.256	86.396.256	-

**c. Nguồn kinh phí thu chi hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 - 2021**

*Đơn vị tính: đồng*

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số liệu của đơn vị</b>	<b>Số liệu thanh tra</b>	<b>Chênh lệch</b>
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6) = (4) - (5)</i>
<b>1</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>1.048.752.607</b>	<b>1.048.752.607</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	2.299.288	2.299.288	-
-	Kinh phí thu được trong năm	1.056.491.955	1.056.491.955	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	1.058.791.243	1.058.791.243	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	1.048.752.607	1.048.752.607	-
-	Kinh phí được chuyển sang năm sau	10.038.636	10.038.636	-
<b>2</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>969.024.040</b>	<b>969.024.040</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	10.038.636	10.038.636	-
-	Kinh phí thu được trong năm	998.529.600	998.529.600	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	1.008.568.236	1.008.568.236	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	969.024.040	969.024.040	-
-	Kinh phí được chuyển sang năm sau	39.544.196	39.544.196	-
<b>3</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>971.037.711</b>	<b>971.037.711</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	39.544.196	39.544.196	-

-	Kinh phí thu được trong năm	957.821.000	957.821.000	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	997.365.196	997.365.196	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	971.037.711	971.037.711	-
-	Kinh phí được chuyển sang năm sau	26.327.485	26.327.485	-
<b>4</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>2.010.703.011</b>	<b>2.010.703.011</b>	<b>-</b>
-	Kinh phí năm trước chuyển sang	26.327.485	26.327.485	-
-	Kinh phí thu được trong năm	2.055.626.900	2.055.626.900	-
-	Kinh phí được sử dụng trong năm	2.081.954.385	2.081.954.385	-
-	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	2.010.703.011	2.010.703.011	-
-	Kinh phí được chuyển sang năm sau	71.251.374	71.251.374	-

\* **Ghi chú:** các nội dung chi chủ yếu là tiền dịch vụ môi trường rừng, tiền điện sáng, điện bơm, trang thiết bị duy tu bảo dưỡng trạm bơm (tiền mua đồng hồ Actaris cấp B, cấp inox, ốc xiết cấp inox, guồng bơm Grundfos, vật tư thay thế đường ống nước thô bằng sắt D75 thành ống nhựa HDPE D75, mua hóa chất PAC và Clorin, tiền ăn ca, trực đêm, công tác phí thu tiền nước...

### **3. Kiểm tra công tác thực hiện phòng, chống tham nhũng năm 2021**

#### *a. Công tác triển khai*

Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền phổ biến, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quán triệt quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng tới công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị.

Triển khai thực hiện đúng lúc, kịp thời các văn bản chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng của các cấp.

#### *b. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng*

Phổ biến nội dung của bộ luật đến từng cán bộ viên chức và người lao động và đưa vào nội quy của cơ quan để đảm bảo việc thực hiện Luật phòng chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí được duy trì thường xuyên.

Trong các buổi họp của cơ quan, các cuộc họp của Công đoàn cơ sở, đều quán triệt, nhắc nhở viên chức và người lao động thực hiện đúng các nội dung của Luật.

#### *c. Công tác triển khai về công khai minh bạch trong hoạt động của đơn vị*

Thực hiện công khai, minh bạch theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản pháp luật khác có liên quan, với hình thức thực hiện công khai như công bố tại cuộc họp cơ quan; niêm yết tại bảng tin của Trung tâm theo đúng quy định.

Công khai minh bạch hoạt động tài chính, ngân sách nhà nước: Trung tâm đã triển khai thực hiện đúng quy định về công khai tài chính ngân sách nhà nước theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được

ngân sách nhà nước hỗ trợ và được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính.

*d. Xây dựng ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn*

Trung tâm đã ban hành theo Quyết định số 01A/QĐ-TTN, ngày 10/01/2019 ban hành kèm theo Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản công.

*e. Việc thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp*

Lãnh đạo trung tâm thường xuyên tuyên truyền quán triệt viên chức và người lao động thực hiện chuẩn mực đạo đức, quy tắc ứng xử, tinh thần trách nhiệm trong công việc, làm việc hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ; thường xuyên cải cách lề lối làm việc, xây dựng công sở văn hóa, văn minh, sạch đẹp; đến nay chưa phát hiện có trường hợp vi phạm về quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, vi phạm về văn hoá công sở đến mức phải nhắc nhở hoặc có ý kiến phản ánh của nhân dân, ảnh hưởng đến cơ quan, đơn vị.

*f. Việc kiểm tra, giám sát cán bộ nhận quà tặng và nộp lại quà tặng*

Trung tâm không phát hiện có trường hợp nhận quà tặng hay nộp lại quà tặng.

*g. Việc thực hiện chuyển đổi vị trí công tác*

Thực hiện công tác chuyển đổi vị trí công tác theo Luật phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng; Trong năm 2021, đơn vị không có viên chức trong diện chuyển đổi vị trí công tác.

*h. Công tác cải cách hành chính và việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của Trung tâm*

Công tác cải cách hành chính được quan tâm thực hiện theo hướng đơn giản, tinh gọn các thủ tục hành chính nhằm nâng cao hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với công tác phòng, chống tham nhũng và tiết kiệm chống lãng phí...

*k. Công tác thanh toán không dùng tiền mặt*

Trung tâm thực hiện việc trả lương, thanh toán các khoản chi phí khác qua tài khoản cho 100% công chức và người lao động.

*l. Kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng*

Trung tâm không phát hiện trường hợp, vụ việc vi phạm về phòng chống tham nhũng.

*m. Thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo*

Thực hiện Quyết định số 01A/QĐ-TTN, ngày 27/01/2021 của Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn về việc ban hành Quy chế tiếp công dân; ngay từ đầu năm 2021, Trung tâm ban hành Thông báo<sup>1</sup> để triển khai thực hiện công tác tiếp công dân

<sup>1</sup> Thông báo số 01/TB-TTN ngày 27/01/2021 của Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn.



của Giám đốc và Bộ phận tiếp công dân<sup>2</sup> để thực hiện trong năm 2021; trong quá trình thực hiện công tác tiếp công dân, hàng tháng có văn bản bảng phân công công chức tiếp công dân, có mở sổ tiếp công dân để theo dõi, ghi chép thông tin theo quy định; có bố trí hòm thư góp ý đặt ngay trước cơ quan (*noi dễ nhìn thấy, trang trọng*) để công dân thực hiện quyền khiếu nại tố cáo của mình.

*n. Kết quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân*

Trung tâm ban hành Quyết định số 05A/QĐ-TTN ngày 31/3/2022, thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính<sup>3</sup> năm 2021; Ban Thanh tra nhân dân phối hợp tham gia thực hiện công tác giám sát việc tự kiểm tra tài chính của Trung tâm; Kết quả kiểm tra tài chính năm 2021: Chứng từ kế toán lập đảm bảo chế độ tài chính hiện hành.

## PHẦN THỨ BA KẾT LUẬN

Trên cơ sở những tài liệu do đối tượng thanh tra cung cấp và những tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình thanh tra, kết luận:

### **I. Ưu điểm:**

- Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí tự chủ, không tự chủ; kinh phí thu chi hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện đúng quy định pháp luật về kế toán, tài chính.

- Công tác phòng, chống tham nhũng: Thực hiện đúng quy định pháp luật phòng, chống tham nhũng.

### **II. Tồn tại: Không**

## PHẦN THỨ TƯ KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

### **I. Giao Giám đốc Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông có trách nhiệm tổ chức cuộc họp cơ quan:**

- Thông qua kết luận thanh tra khi được Giám đốc Sở ký ban hành;
- Tiếp tục phát huy những kết quả, thành tích đã đạt được.

Đơn vị có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trên, phải hoàn thành chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày công bố kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện (*Kèm theo các tài liệu chứng minh đã khắc phục theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP*) về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum (*qua Thanh tra Sở*) bằng văn bản và qua địa chỉ Email

<sup>2</sup> Do Phòng Hành chính – Tổng hợp thực hiện.

<sup>3</sup> Theo Quyết định số 67/QĐ-BTC, ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí Ngân sách Nhà nước; Công văn số 1110/TC-QLNS ngày 21/6/2007 của Sở Tài chính tỉnh Kon Tum về việc tự kiểm tra tài chính kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước.



[thanhtrasnkt@gmail.com](mailto:thanhtrasnkt@gmail.com) để theo dõi, tổng hợp. Kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra đã ký, đơn vị hoặc cá nhân có liên quan cho rằng kết luận này có một hoặc một số nội dung không đúng làm thiệt hại đến quyền lợi của tập thể hoặc cá nhân thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Nếu quá thời gian theo quy định của pháp luật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum sẽ không giải quyết.

Trong quá trình khiếu nại (*nếu có*); đơn vị, tổ chức, cá nhân vẫn phải thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung, thời gian nêu trên.

Đơn vị có trách nhiệm niêm yết công khai Kết luận thanh tra khi được ban hành tại trụ sở làm việc của Đơn vị mình trong thời gian 15 ngày liên tục theo quy định của Pháp luật về thanh tra.

## **II. Giao Thanh tra Sở:**

Có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nội dung kết luận nêu trên của Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Kon Tum./.

### ***Nơi nhận:***

- Ban Nội chính tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Trung tâm Nước sạch & VSMTNT (t/hiện);
- Trang TTĐT của Sở;
- Lưu VT, TTra.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Tấn Liêm**